TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG
Bản án số: 66/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn giữa
ông T và bà X"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Lê Thị Thanh Vân
2.Ông Phan Bảo Duy
-Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 406/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Trần Hiếu T, sinh năm 1973.
Địa chỉ: ấp TB, xã TG, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1976.
Địa chỉ: hẻm rạch GL, khóm TP, phường MQ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Trần Hiếu T trình bày:

-Về hôn nhân**:** Giữa ông Trần Hiếu T và bà Nguyễn Thị X do quen biết, tìm hiểu nhau và tổ chức đám cưới vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn do cuộc sống gặp khó khăn, mãi lo đi làm ăn. Sau thời gian dài chung sống có với nhau, đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống với nhau, mục đích hạnh phúc hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 05/2011 cho đến nay. Qua thời gian sống ly thân, ông T cảm thấy không còn tình cảm với bà X nên ông yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

-Về quan hệ con chung: Có hai con chung: Đã trưởng thành tên Trần Chí T, sinh ngày 04/10/1994 và chưa trưởng thành tên Trần Chí B, sinh ngày 02/09/1999. Hiệu cháu

B đã ở ổn định với bà X nên ông đồng ý cho cháu B tiếp tục sống với bà X. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

-Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông Trần Hiếu T và bà Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

-Về hôn nhân**:** Thống nhất với lời trình bày của ông Trần Hiếu T là giữa bà và ông Trần Hiếu T do quen biết, tìm hiểu nhau và tổ chức đám cưới vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn do cuộc sống gặp khó khăn, mãi lo đi làm ăn. Sau thời gian dài chung sống có với nhau, đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống với nhau, mục đích hạnh phúc hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 05/2011 cho đến nay. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Hiếu T thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông T.

-Về quan hệ con chung: Có hai con chung: Đã trưởng thành tên Trần Chí T, sinh ngày 04/10/1994 và chưa trưởng thành tên Trần Chí B, sinh ngày 02/09/1999. Hiệu cháu B đã ở ổn định với bà X và ý kiến của cháu B có nguyện vọng được sống chung với bà X. Bà yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Nguyễn Thị X và ông Trần Hiếu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh trụng. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên nhận định:

[2] *Về hôn nhân*: Giữa ông Trần Hiếu T và bà Nguyễn Thị X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay, có tổ chức lễ cưới, nhưng ông bà vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa ông Trần Hiếu T và bà Nguyễn Thị X đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn trong hôn nhân, mà áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận ông Trần Hiếu T và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 04/10/1994, đã trưởng thành và tên Trần Chí B, sinh ngày 02/09/1999, chưa trưởng thành.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Hiếu T và bà Nguyễn Thị X, thỏa thuận để bà Nguyễn Thị X được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa trưởng thành tên Trần Chí B, sinh ngày 02/09/1999. Ông Trần Hiếu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trần Hiếu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Nguyễn Thị X và các thành viên trong gia đình của bà Nguyễn Thị X không được cản trở ông Trần Hiếu T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định. Xét thấy tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc nuôi con chung

và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Hiếu T và bà Nguyễn Thị X trình bày về tài sản chung và nợ chung là không có, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí:* ông Trần Hiếu T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân:

Không công nhận ông Trần Hiếu T và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

2.Về nuôi con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 04/10/1994, đã trưởng thành và tên Trần Chí B, sinh ngày 02/09/1999, chưa trưởng thành.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Hiếu T và bà Nguyễn Thị X để bà Nguyễn Thị X được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡngcon chung chưa trưởng thành tên Trần Chí B, sinh ngày 02/09/1999.

Ông Trần Hiếu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Hiếu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Nguyễn Thị X và các thành viên trong gia đình của bà Nguyễn Thị X không được cản trở ông Trần Hiếu T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông Trần Hiếu Tvà bà Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Ông Trần Hiếu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017938 ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Trần Hiếu T đã nộp đủ.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Long Xuyên;
- Chi Cục THA dân sự Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Vp./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Việt Nam

Nơi nhận: - Viện kiểm sát nhân dân Tp. Long Xuyên; - Chi Cục THA dân sự Tp. Long Xuyên; - Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; - Các đương sự (để thi hành); - Lưu hồ sơ, Vp./.	**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa** **Nguyễn Võ Việt Nam**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vân **Phan Bảo Duy** **Nguyễn Võ Việt Nam**